

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẮK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST

Ngày 29 - 6 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK - TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Mai Chí Dũng.

2. Ông Y Krang Jiê.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Lý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa:** Ông Y Ker B’Krông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Trụ sở: C Bán đảo L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trà Văn T, sinh năm 1977 – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Lắc. (Văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trà Văn T để tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tuấn A - Chức vụ: Cán bộ tín dụng - (có mặt).

Địa chỉ: Số 203 đường N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Bà Thái Thị Đ , sinh năm 1962 - (vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Võ Ngọc C , sinh năm 1986 - (vắng mặt).

2. Anh Võ Ngọc T, sinh năm 1988 - (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

3. Chị Võ Thị L, sinh năm 1990 - (vắng mặt).

4. Anh Võ Ngọc Q, sinh năm 2001 - (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người làm chứng:* Bà Hoàng Thị Ngọc L - (có mặt).

Địa chỉ: Buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 19/7/2014, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk có ký kết hợp đồng cho hộ ông Võ Văn T vay theo chương trình nước sạch, vệ sinh và môi trường với số tiền là 12.000.000 đồng, lãi suất là 0,8%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất cho vay, thời hạn cho vay là 36 tháng. Cùng ngày, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk cho hộ ông T vay theo chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất cho vay, thời hạn cho vay là 36 tháng. Hạn trả nợ cuối cùng cả gốc lẫn lãi của hai khoản vay trên là vào ngày 19/7/2017. Vào ngày 19 hàng tháng ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh thông qua tổ trưởng tổ vay vốn của buôn P, xã K và hàng tháng ông T đều đã trả được số tiền lãi cho Ngân hàng của 02 khoản tiền gốc vay trên.

Đến tháng 3 năm 2016 thì ông Võ Văn T chết; khi đến hạn trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở đến nhà bà Thái Thị Đ (bà Đ là vợ ông T) yêu cầu bà Đ trả số tiền gốc và lãi đã vay, nhưng bà Đ không chịu trả, mà bà Đ chỉ trả được số tiền lãi là 06 tháng.

Để đảm bảo quyền lợi cho ngân hàng và để thu hồi được vốn cho Nhà nước. Nay ngân hàng Chính sách xã hội huyện Lắk khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Thái Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 02 khoản tiền vay trên; bởi vì các khoản tiền vay trên đều là cho vay theo hộ gia đình

nên bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả. Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/11/2018 là 52.633.000 đồng. Trong đó, số tiền gốc của hai lần vay là 42.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh là 10.633.000 đồng (tiền lãi tính đến ngày 05/11/2018), đồng thời tiếp tục tính lãi quá hạn với lãi suất 1,04%/tháng kể từ ngày 06/11/2018 trên số tiền gốc theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đã được Ngân hàng phê duyệt vào ngày 19/7/2017.

*Theo biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, bà Thái Thị Đ trình bày:*

Bà không thống nhất với ý kiến của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk trình bày trên. Bà cho rằng việc ông Võ Văn T có vay của Ngân hàng hay không thì bà hoàn toàn không biết, ông T vay khi nào và vay mục đích để làm gì, vay số tiền bao nhiêu, bà không sử dụng số tiền trên; từ năm 2014 đến nay gia đình bà không xây bể lọc nước, không xây hầm bioga và cũng không nuôi bò; nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền ông T đã vay gốc và lãi suất phát sinh thì bà không đồng ý và không có nghĩa vụ trả số tiền ông T đã vay.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị L và anh Võ Ngọc Q trình bày:*

Chị Loan và anh Quý là con chung của ông Võ Văn T và bà Thái Thị Đ; bố mẹ của anh, chị có 04 người con là chị Võ Thị L, anh Võ Ngọc Q, anh Võ Ngọc C và anh Võ Ngọc T. Ngày 19/7/2014 ông T vay tiền của Ngân hàng chính sách huyện Lắc số tiền 42.000.000 đồng thì những người trong gia đình không ai biết. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả số tiền gốc 42.000.000 đồng và lãi phát sinh, thì anh chị cho rằng bà Đ không biết chữ mà trong hồ sơ vay vốn có chữ ký Thái Thị Đ, do đó anh chị yêu cầu ngân hàng làm rõ chữ ký đó là do ai ký.

Đối với anh Võ Ngọc C và Võ Ngọc T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án thực hiện đầy đủ thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh Châu, anh Thành để giải quyết vụ án theo quy định.

*Người làm chứng bà Hoàng Thị Ngọc L trình bày:* Ngày 12/7/2014, tổ vay vốn của buôn P, xã K họp bình xét cho hộ ông Võ Văn T vay 30.000.000 đồng, mục đích vay là chăn nuôi bò sinh sản theo chương trình sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn và vay 12.000.000 đồng, mục đích vay làm hầm Bioga và xây bể lọc nước, vệ sinh môi trường nông thôn. Khi họp tổ và đề xuất vay vốn,

chỉ có ông T chứ không có bà Đ tham gia, bà Đ có biết được việc ông T đề xuất vay tiền hay không thì bà L không biết.

Ông T được ngân hàng phê duyệt và cho vay hai khoản vay trên với số tiền là 42.000.000 đồng. Hàng tháng, ông T trực tiếp trả lãi đầy đủ cho ngân hàng thông qua bà L và cũng có đôi lúc bà Đ mang tiền qua nhà bà L để đóng tiền lãi. Sau khi ông T chết, bà L có đến nhà bà Đ để thu tiền lãi hàng tháng thì bà Đ đóng được 06 tháng tiền lãi thì không đóng nữa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu ý kiến:* Tòa án nhân dân huyện Lắc thụ lý vụ án về quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội với bị đơn bà Thái Thị Đ là đúng quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hòa giải và chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội: Buộc bà Thái Thị Đ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk số tiền vay gốc là 42.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 29/6/2020 là 15.178.550 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là ngân hàng) khởi kiện yêu cầu bà Thái Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền là 42.000.000 đồng và lãi phát sinh. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy bị đơn bà Thái Thị Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị L, anh Võ Ngọc Q, anh Võ Ngọc C và anh Võ Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng

xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] *Về nội dung tranh chấp:*

Ngày 19/7/2014, Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Lắc cho hộ ông Võ Văn T vay vốn theo chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn và sản xuất kinh doanh vùng khó khăn.

Tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, chương trình cho vay nước sạch vệ sinh và môi trường nông thôn ngày 12/7/2014. Số tiền vay là 12.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, thời hạn cho vay là 36 tháng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/7/2017.

Tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn ngày 12/7/2014. Số tiền vay là 30.000.000 đồng, lãi suất 0,8%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay, thời hạn cho vay là 36 tháng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/7/2017.

Tổng số tiền của 02 khoản vay là 42.000.000 đồng. Tiền lãi được trả theo định kỳ vào ngày 19 hàng tháng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay. Hàng tháng ông T đều trả lãi đầy đủ cho ngân hàng thông qua tổ trưởng tổ vay vốn. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định, ngày 19/7/2014 ông Võ Văn T (chồng bà Thái Thị Đ) có vay của của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lắc 02 khoản vay trên, với tổng số tiền vay là 42.000.000 đồng.

Quá trình sử dụng tiền vay, đối với khoản vay 12.000.000 đồng hộ ông Võ Văn T đã trả được 5.583.834 đồng tiền lãi; đối với khoản vay 30.000.000 đồng hộ ông Võ Văn T đã trả được 5.860.916 đồng tiền lãi. Nhiều lần Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở và đến nhà bà Thái Thị Đ yêu cầu bà Đ trả số tiền vay gốc và lãi suất, nhưng bà Đ không chịu trả.

[3] Tại Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Chính phủ, về tín dụng thực hiện chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Chính phủ, về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn. Tại Điều 3 của hai quyết định quy định đối tượng được vay vốn (tín dụng) là “*Các hộ gia đình có đơn xin vay vốn và được chính quyền cấp xã xác nhận... Chủ hộ gia đình là người đại diện cho hộ gia đình chịu trách nhiệm giao dịch với ngân hàng trong quan hệ vay vốn, trả nợ, trả lãi.*”

Ngày 24/01/2019, Tòa án nhân dân huyện Lắc tiến hành xác minh ông Võ Văn T đã chết. Đại diện Ủy ban nhân dân xã K, huyện Lắc cho biết: “*Đối chiếu với sổ đăng ký khai tử từ năm 2016 cho đến nay, ông Võ Văn T không đăng ký*

*khai tử tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Lắc. Tuy nhiên gia đình có báo ông T chết vào tháng 03/2016.”*

Tại biên bản lấy lời khai, hòa giải bà Thái Thị Đ cho rằng việc ông T vay của ngân hàng hay không, thì bà không biết. Ông T vay khi nào và vay để làm gì, vay số tiền bao nhiêu, bà không sử dụng số tiền trên nên bà không đồng ý và không có nghĩa vụ trả số tiền mà ông T đã vay. Lời khai của bà Đ là không có cơ sở; bởi lẽ: Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lắc duyệt ngày 19/7/2014 thì người vay là ông Võ Văn T, ông T là người đại diện cho hộ gia đình thực hiện việc vay vốn tại ngân hàng. Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, mục đích ông T vay vốn là để xây hầm bioga, bể lọc nước và chăn nuôi bò sinh sản, nhưng qua xác minh thì ông T dùng vốn vay để đầu tư nuôi cá. Mặc dù ông T sử dụng vốn vay không đúng mục đích, nhưng thực tế ông T dùng vốn vay đó vào mục đích để phát triển kinh tế trong gia đình; sau khi ông T chết bà Đ vẫn biết việc vay vốn của ông T nhưng không phản đối mà còn đóng được 06 tháng tiền lãi. Lời khai của bà Đ chỉ là cái cớ mà bà Đ viện ra để nhằm mục đích muốn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, kéo dài, trì hoãn thời gian và gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án của Tòa án.

[4] Bà Thái Thị Đ yêu cầu làm rõ chữ ký “Đ” trong Sổ vay vốn có phải chữ ký của bà Đ hay không? nhưng bà Đ không cung cấp cho Tòa án mẫu chữ ký để tiến hành giám định. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chữ ký của bà Đ tại Ủy ban nhân dân xã, công an xã K, huyện Lắc nhưng không thu thập được chữ ký của bà Đ. Ngày 01/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Lắc tiến hành xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lắc được biết: Sau khi kiểm tra hồ sơ địa chính được lưu trữ tại văn phòng, thì hộ ông Võ Văn T được Ủy ban nhân dân huyện Lắc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 661150, diện tích 590 m<sup>2</sup>, thửa đất số 219, tờ bản đồ số 02, cấp ngày 17/01/2013, địa chỉ đất tại buôn P, xã K, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk; ngoài ra hộ ông T, bà Đ không có diện tích đất nào khác; trong hồ sơ không có chữ ký của bà Thái Thị Đ. Do không có mẫu chữ ký của bà Thái Thị Đ nên Tòa án không thể tiến hành trưng cầu giám định chữ ký được.

Mặc khác, việc ngân hàng cho ông Võ Văn T vay theo chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường và chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Thành phần cho vay là hộ gia đình, chủ hộ là người đại diện cho hộ gia đình chịu trách nhiệm giao dịch với ngân hàng trong quan hệ vay vốn, trả nợ, trả lãi. Do ông T chết, vì vậy căn cứ vào Điều 101, 103, 288 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc bà Thái Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh theo giấy đề

ngiht vay vón kiêm phưong án sử dụng vón vay của ông Võ Văn T, đã được Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lắk phê duyệt.

Do bà Thái Thị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lắk khởi kiện, yêu cầu bà Thái Thị Đ phải trả số tiền vay gốc và lãi suất (tính đến ngày xét xử 29/6/2020) là có cơ sở nên cần chấp nhận. Số tiền vay gốc và lãi suất được tính như sau:

[4.1] Đối với giấy đề nghị vay vón, kiêm phưong án sử dụng vón vay: Chương trình cho vay nước sạch vệ sinh và môi trường nông thôn, ngày 12/7/2014.

- Tiền vay gốc: 12.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính từ ngày vay 19/7/2014 đến ngày 29/6/2020 là 6.959.300 đồng.

- Tiền lãi đã trả được: 5.583.834 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi còn phải trả: 13.375.466 đồng. (Trong đó tiền vay gốc 12.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 29/6/2020 là 1.375.466 đồng).

[4.2] Đối với giấy đề nghị vay vón, kiêm phưong án sử dụng vón vay: Chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, ngày 12/7/2014.

- Tiền vay gốc: 30.000.000 đồng.

- Tiền lãi tính từ ngày vay 19/7/2014 đến ngày 29/6/2020 là 19.664.000 đồng.

- Tiền lãi đã trả được: 5.860.916 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi còn phải trả: 43.803.084 đồng. (Trong đó tiền vay gốc 30.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 29/6/2020 là 13.803.084 đồng).

Tổng cộng hai khoản [3.1] và [3.2] là 57.178.550 (năm mươi bảy triệu, một trăm bảy tám ngàn, năm trăm năm mươi) đồng. (Trong đó tiền vay gốc là 42.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 29/6/2020 là 15.178.550 đồng).

Bà Thái Thị Đ tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc, theo mức thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vón, kiêm phưong án sử dụng vón vay: Chương trình cho vay nước sạch vệ sinh và môi trường nông thôn ngày 12/7/2014 và giấy đề nghị vay vón, kiêm phưong án sử dụng vón vay: Chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn ngày 12/7/2014 kể từ ngày 30/6/2020 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Thái Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Áp dụng các Điều 101, 103, 288, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Buộc bà Thái Thị Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk số tiền 57.178.550 (năm mươi bảy triệu, một trăm bảy tám ngàn, năm trăm năm mươi) đồng. (Trong đó tiền vay gốc là 42.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 29/6/2020 là 15.178.550 đồng).

Bà Thái Thị Đ tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc, theo mức thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay: Chương trình cho vay nước sạch vệ sinh và môi trường nông thôn ngày 12/7/2014 và giấy đề nghị vay vốn, kèm phương án sử dụng vốn vay: Chương trình cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn ngày 12/7/2014 kể từ ngày 30/6/2020 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.*

2. Về án phí: Bà Thái Thị Đ chịu 2.859.000 đồng (Hai triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.



*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKS tỉnh, VKS H. Lắk;
- CCTHADS H. Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS+VP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Huỳnh Thành**